

# KINH ĐẠI BẢO TÍCH



## QUYỂN 26

*Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Pháp sư Mạn-đà-la.*

### Pháp hội 8: PHÁP GIỚI THỂ TÁNH VÔ PHÂN BIỆT (Phần 1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ-thọ Cấp cô độc cùng với tám ngàn vị đại Tỳ-kheo. Có một muôn hai ngàn Đại Bồ-tát từ vô lượng cõi Phật đến. Lại có ba muôn hai ngàn vị Thiên tử, tất cả đều hướng về Đại thừa.

Trong đại chúng ấy có Đại Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi Đồng tử và vị Thiên tử tên là Bảo Thượng.

Lúc ấy Thiên tử Bảo Thượng suy nghĩ: “Hôm nay nếu Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp, làm cho cung ma đều tối tăm mất cả oai đức, khiến ma Ba-tuần lo sầu khiến chúng ma khéo điều phục, những kẻ tăng thượng mạn thì phá trừ tăng Thượng mạn, người tự ghi nhớ sở đắc khéo tu hành thì được quả Sa-môn, người đã được quả lại càng tăng thượng, khiến chúng tử Phật, Pháp và Tăng nổi loạn chẳng dứt, khiến nhiều chúng sinh phát tâm Bồ-đề làm cho Bồ-đề của Đức Như Lai chứa nhóm từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp được còn lâu. Lúc Đức Như Lai tại thế hoặc sau khi diệt độ thường được nghe pháp ấy tùy theo thừa của họ hướng tới chóng được diệt độ.”

Biết tâm niệm của Thiên tử Bảo Thượng, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Văn-thù-sư-lợi! Ở trong đại chúng này, ông nên tuyên nói một ít pháp. Nay trong đại chúng này muốn được nghe pháp nơi ông.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nên nói pháp gì?

Đức Phật dạy:

–Ông nên nói về pháp giới thể tánh nhân duyên.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp giới là pháp giới thể tánh. Ra ngoài pháp giới không có được nghe. Sao Thế Tôn bảo nhân nơi pháp giới mà nói pháp?

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh kiêu mạn nếu nghe pháp ấy tất sinh lòng kinh quái.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thể tánh pháp giới không có kinh quái. Sự kinh quái ấy tức là thể tánh pháp giới.

Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Nếu tất cả pháp đều là thể tánh pháp giới thì chúng sinh chỗ nào có ô nhiễm, có thanh tịnh, vì thể tánh pháp giới không có nhiễm tịnh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Các chúng sinh ấy thân kiến điên đảo chấp ngã và ngã sở. Hàng phàm phu ấy phát khởi ngã tưởng, chấp trước ngã tưởng và chấp trước tha tưởng mà phát khởi tâm và tâm sở. Những tâm và tâm sở ấy tạo tác các nghiệp thiện hoặc các nghiệp

bất thiện. Do hành nghiệp ấy làm nhân mà các chúng sinh ấy có được quả báo. Nếu đã có sinh thì có nhiễm ô. Chính nhiễm ô ấy là thể tánh pháp giới.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu biết nhiễm ô là thể tánh pháp giới thì gọi là bạch tịnh. Nhưng nơi Đệ nhất nghĩa không có nhiễm ô, không có hoặc pháp nhiễm hoặc pháp tịnh.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói pháp ấy có năm trăm Tỳ-kheo dứt hết phiền não, được tâm vô lậu.

Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Pháp giới được nói ấy không có sai lầm. Bồ-tát nói pháp ấy rồi có hơn trăm Tỳ-kheo đều dứt phiền não, được tâm vô lậu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Pháp giới ấy, có phải trước kia bị trói buộc mà nay được giải thoát chăng?

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp giới ấy chẳng phải trước bị trói buộc mà nay được giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chư Tỳ-kheo ấy, nay ở chỗ nào tâm được giải thoát?

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hàng Thanh văn điều phục như vậy rất đông, đều dứt phiền não được tâm giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức có phải là đệ tử Thanh văn của Đức Phật chăng?

Xá-lợi-phất nói:

–Đúng như vậy! Tôi là đệ tử Thanh văn của Đức Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Có phải Đại đức dứt phiền não mà được tâm vô lậu giải thoát chăng?

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi được tâm vô lậu giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức dùng những tâm nào để được giải thoát? Là tâm quá khứ, tâm vị lai hay tâm hiện tại?

Thưa Đại đức! Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng an trụ. Đại đức dùng tâm nào để được giải thoát?

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chẳng phải tâm quá khứ được giải thoát, chẳng phải tâm vị lai, tâm hiện tại được giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức! Sao lại nói tâm được giải thoát?

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ở nơi Thế đế mà nói là tâm được giải thoát. Trong Đệ nhất nghĩa đều không có tâm trói buộc, tâm giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Có phải Đại đức muốn khiến thể tánh pháp giới có Thế đế và Đệ nhất nghĩa để chăng?

Xá-lợi-phát nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế tánh pháp giới không có Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức! Sao Đại đức nói ở nơi Thế đế tâm được giải thoát.

Xá-lợi-phát nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phải chăng không có tâm được giải thoát?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phát! Nếu tâm có trong, ngoài và giữa thì có được giải thoát.

Nhưng tâm không có trong, ngoài và giữa nên không có trói buộc và giải thoát.

Lúc đó trong đại chúng có hai trăm Tỳ-kheo nghe lời của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói liền rời chỗ ngồi nói:

–Nếu không có giải thoát, không có tâm giải thoát, sao chúng tôi lại xuất gia tu hành? Nếu không có xuất thế sao lại phải tu hành?

Nói thô ngữ ấy xong, hai trăm Tỳ-kheo bỏ chúng mà đi.

Muốn điều phục nhóm Tỳ-kheo ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa ra một Tỳ-kheo đón trước đường. Nhóm Tỳ-kheo ấy đến chỗ hóa Tỳ-kheo hỏi:

–Đại đức từ đâu đến đây?

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thưa chư Đại đức! Tôi ở nơi chỗ nói của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi không hiểu, không biết, chẳng tin, chẳng hướng. Vì thế nên tôi bỏ chúng mà đi đến đây.

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Chúng tôi cũng vậy! Vì chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng tin, chẳng hướng nên chúng tôi bỏ chúng mà đi đến đây.

Hóa Tỳ-kheo hỏi:

–Chư Đại đức ở trong chỗ nói của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có chỗ nào không thích hợp, trái nghịch ý các vị mà các vị bỏ đi?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức! Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói không có hướng quả, không có chứng quả lại không có giải thoát. Chúng tôi tự nghĩ nếu không có hướng quả, không có chứng quả, không có giải thoát thì có nghĩa gì để chúng tôi tu hành phạm hạnh, nếu không có xuất thế có chi lại tu hành? Vì nghĩ như vậy mà chúng tôi bỏ đi.

Hóa Tỳ-kheo hỏi:

–Có phải vì không hiểu, vì phi báng, vì mắng nhiếc mà chư Đại đức bỏ đi chăng?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức! Chúng tôi không có phi báng mắng nhiếc. Chỉ vì chẳng thấy giải thoát mà chúng tôi bỏ đi.

Hóa Tỳ-kheo liền khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Thưa chư Đại đức! Nay chúng ta nên cùng nhau suy luận. Nếu chẳng phải mắng nhiếc thì chẳng phải tranh tụng. Chẳng phải tranh tụng là pháp Đệ nhất nghĩa Sa-môn.

Tâm của chư Đại đức là tướng dạng gì? Là màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay màu tím, màu pha lê? Là thật, là chẳng thật? Là thường, là vô thường? Là sắc, là phi sắc?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức! Tâm chẳng phải sắc, chẳng thấy được, không có hình bóng cũng không có xúc đối, không nơi chỗ, không chỉ bày.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thưa chư Đại đức! Tâm đã chẳng phải sắc, không thấy được, không có hình bóng cũng không xúc đối, không nơi chỗ, không chỉ bày. Nhưng tâm ấy ở trong, ở ngoài hay ở chính giữa của trong ngoài ư?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Không phải vậy!

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thưa chư Đại đức! Tâm các vị đã không hình sắc, không có xúc đối, không nơi chỗ, không chỉ bày, chẳng phải ở trong, ngoài và chính giữa, mà nó có chánh thành tựu không?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Không phải vậy.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thưa chư Đại đức! Nếu tâm chẳng thật, không thành tựu, thì thế nào giải thoát?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Chẳng phải vậy.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thưa chư Đại đức! Vì nghĩa ấy nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói thể tánh pháp giới không có nhiễm tịnh.

Thưa chư Đại đức! Vì các vị là phạm phu điên đảo chấp ngã và ngã sở mà phát khởi tâm, đi trong các cảnh giới mà sinh khởi tâm phan duyên. Đây là tất cả những pháp phan duyên sinh diệt, chẳng trụ pháp biến đổi.

Nếu tâm duyên nơi xuất gia thọ giới Cụ túc, tu đạo đắc quả thì thể tánh của tâm ấy rộng không chẳng có thật, chỉ từ vọng tưởng phát khởi. Nếu là vọng tưởng chẳng thật thì là chẳng sinh, chẳng trụ, chẳng diệt. Nếu đã là chẳng phải sinh, trụ, diệt thì không có trói buộc cũng không có giải thoát, không hướng, không được quả.

Vì nghĩa ấy nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói thể tánh pháp giới không nhiễm, không tịnh, cũng không hướng, không chứng, không có giải thoát.

Nghe hóa Tỳ-kheo giải bày, nhóm Tỳ-kheo ấy được vô lậu giải thoát. Được giải thoát rồi, nhóm Tỳ-kheo ấy liền trở về chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đều tự cõi y Uất-đa-la-tăng dâng cúng cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà thưa:

–Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Tôn giả khéo thủ hộ chúng tôi. Chúng tôi vì chẳng tin hướng pháp điều phục thậm thâm ấy mà rời lìa bỏ đi.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Đại đức! Các vị được những gì, giác ngộ những gì, mà đều tự cõi y Uất-đa-la-tăng dâng cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nay chúng tôi không được, không giác, nên chúng tôi cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Trước đây vì có ý tưởng có chỗ đắc nên chúng tôi bỏ chúng mà đi. Nay chúng tôi đã bỏ được ý tưởng có chỗ đắc nên chúng tôi trở lại.

Tu-bồ-đề nói:

–Cớ sao các vị nói như vậy?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Chấp trước nơi danh là lay động ái trước. Nếu người có lay động, có ái trước thì không hướng, không đắc.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu không hướng đắc thì ở chỗ ấy có thể dứt được tất cả lay động, ái trước.

Tu-bồ-đề nói:

–Ai điều phục các vị?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Người không có sở đắc, không có sở giác là người điều phục chúng tôi. Người ấy chẳng sinh cũng chẳng diệt độ, chẳng phải thiên định cũng chẳng loạn tâm.

Tu-bồ-đề nói:

–Ai điều phục các vị?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói:

–Trưởng lão nên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bấy giờ Tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Các vị Tỳ-kheo ấy được ai điều phục?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Người không có các âm, giới, nhập, cũng chẳng phải phàm phu, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải Duyên giác, chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải Như Lai, chẳng phải tương ưng với thân, chẳng phải tương ưng với ngữ, chẳng phải tương ưng với ý.

A-nan nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói ai vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Nếu Đức Như Lai biến hóa ra hóa nhân, thì hóa nhân ấy có tương ưng chăng?

A-nan nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hóa nhân không có pháp gì để có thể cùng tương ưng hay chẳng tương ưng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Thế tánh tất cả pháp là hóa.

A-nan nói:

–Theo chỗ Bồ-tát nói, thế tánh tất cả các pháp là hóa?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Hóa nhân ấy đã điều phục các Tỳ-kheo ấy. Như hóa nhân điều phục, tất cả Thanh văn cũng như vậy. Điều phục như vậy chính là điều phục. Nếu người chẳng hiểu điều phục như vậy, nên biết đó là người tăng thượng mạn.

A-nan nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo tăng thượng mạn ấy có thể biết được chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Giới tự thanh tịnh tức là lay động, nên biết đó là tăng thượng mạn.

Định tự, tuệ tự, giải thoát tự và giải thoát tri kiến tự thanh tịnh tức là lay động, nên biết đó là tăng thượng mạn.

Nếu suy nghĩ tôi được tôi chứng là lay động vọng tưởng, nên biết đó là tăng thượng mạn.

Kinh sợ thân kiến, cũng không như hư không, nhập Nhất đạo cũng không, lời nói trên đây là chánh thuyết, nên biết đó là tăng thượng mạn.

Nếu Tỳ-kheo nói thân kiến là không cho đến nhập Nhất đạo không, không như vậy là bình đẳng không, nên biết đó là tăng thượng mạn. Vì sao?

Thưa Đại đức A-nan! Thân kiến khác với không, vì khác nên thân kiến tức là không. Nói không cùng với khác, chẳng nói khác tức là không.

Lại nữa, thưa Đại đức A-nan! Nếu có kinh sợ vô minh, có ái hỷ, minh giải thoát, nên biết đó là tăng thượng mạn. Vì sao? Vì nếu có hai tướng thì chẳng phải giải thoát.

Thưa Đại đức A-nan! Nếu có Tỳ-kheo kinh sợ tham, sân, si mà mừng ba giải thoát, sợ bốn điên đảo mà mừng bốn tướng, sợ năm triền cái mà mừng năm Căn, sợ sáu nhập mà mừng sáu phép thần thông, sợ bảy thức trụ mà mừng bảy pháp Trợ đạo, sợ tám tà mà mừng tám Thánh đạo, sợ chín chỗ ở của chúng sinh mà mừng chín Thứ đệ định, sợ mười bất thiện mà mừng mười vô lậu thiện, sợ hữu vi giới mà mừng pháp vô vi, nên biết đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều là lay động, đều là hý luận.

Thưa Đại đức A-nan! Nếu có lay động, nếu có hý luận thì tâm liền tự cao, tự tại nhiếp lấy, dựa theo vọng tưởng, bằng lòng với chỗ thành tựu. Những thứ như vậy gọi là tự tại. Vì tự tại nên sinh ra kiêu mạn.

Tỳ-kheo như vậy thì gọi là có tăng thượng mạn. Vì sao? Thưa Đại đức A-nan! Sao gọi là hữu vi giới không? Đó là đem không vào không. Nên biết Tỳ-kheo ấy có tăng thượng mạn.

A-nan hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Tỳ-kheo không tăng thượng mạn?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Đại đức A-nan! Nếu có Tỳ-kheo bên trong tịch tĩnh thì bên ngoài cũng tịch tĩnh. Tất cả cảnh giới bình đẳng hay chẳng bình đẳng, có hay không, hữu vi hay vô vi đều không có lay động cũng không có vọng tưởng, không chẳng vọng tưởng; không hai không một; không trang nghiêm, không chẳng trang nghiêm; chẳng có hý luận, chẳng chấp trước chỗ thấy biết ban đầu, đối với tất cả pháp đều bình đẳng, cũng không có bình đẳng, không chẳng bình đẳng; không có một pháp có thể làm được bình đẳng, chẳng bình đẳng. Chẳng động, chẳng lay như vậy thì không có vọng tưởng, không chẳng vọng tưởng, lại chẳng chấp trước, cũng chẳng thấy vọng tưởng, hướng là hướng đến giải thoát được quả trí chứng, không bao giờ có lay động.

Thưa Đại đức A-nan! Tỳ-kheo như vậy không có tăng thượng mạn cũng không hý luận, xa tướng tự tha, bỏ những ái trước, vì tất cả ái trước chẳng phải ái trước. Rời lìa những phan duyên giác quán tư duy, tư duy giải thoát, giải thoát hướng, không có người nhận lấy, thấy đều là nhân tịch tĩnh, duyên tịch tĩnh. Ngã thân và ngã sở thân ấy qua đến bờ kia, chẳng thấy có pháp gì là giải hướng đoạn và chứng.

Nếu có Tỳ-kheo tu hành như vậy thì không tăng thượng mạn, vì bình đẳng rộng không. Biết rõ tất cả các pháp bình đẳng không có thượng hạ, hoặc thiện bất thiện, nên làm chẳng nên làm, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi, những pháp thượng hạ động lay như vậy không gì chẳng phải là vọng tưởng cũng chẳng thấy biết. Các pháp như vậy đều thấy bình đẳng, dụ như hư không.

Thưa Đại đức A-nan! Nếu có Tỳ-kheo hiểu rõ như vậy thì gọi là thiện giải thoát. Tỳ-kheo ấy không tăng thượng mạn.

Vì nghĩa ấy nên Đức Như Lai nói: “Nếu có Tỳ-kheo hiểu rõ các pháp bình đẳng dụ như hư không, nếu động chạm hư không thì không bị chấp trước nơi xúc, pháp của Sa-môn cũng như vậy.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói lời trên đây, trong đại chúng có hai trăm Tỳ-kheo đều

dứt hết phiền não, được pháp vô lậu giải thoát.

Bấy giờ Thiên tử Bảo Thượng hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là Bồ-tát không tăng thượng mạn? Xin Bồ-tát cứ như thật mà nói cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Nếu có Bồ-tát, Nhất thiết trí tâm, Vô đẳng đẳng tâm, Tam giới tối thắng tâm, vượt qua các hàng Thanh văn và Duyên giác dùng các cảnh giới ngoài để an trụ tâm, nhưng cũng tu hành tất cả căn lành, vì tăng thượng vì giáo hóa chúng sinh, vì nhiếp lấy chánh pháp để nói cho chúng sinh khác và người khác về Nhất thiết trí tâm, tâm ấy như thật hiểu bản thể bình đẳng, theo đúng như chỗ nghe thể tánh của tâm mình mà hiểu biết thể tánh của tất cả chúng sinh. Vì hiểu biết thể tánh của tất cả các pháp nên hiểu biết thể tánh của tất cả căn lành. Vì hiểu biết thể tánh của tất cả thiện căn nên hiểu biết và diễn thuyết thể tánh của Bồ-tát. Đó là Bồ-tát như thật nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu Bồ-tát bỏ thí thì tùy chỗ thí cho, tùy chỗ nguyện thí và những bố thí khác tất cả đều vô ngại. Bố thí không chỗ y cứ, chẳng chấp trước, chẳng quan niệm, chẳng hay biết. Vì chẳng hay biết nên tức là không. Nếu có thể được như vậy thì hiểu biết thể tánh bố thí. Vì hiểu biết thể tánh bố thí nên hiểu biết thể tánh như thật. Vì hiểu biết thể tánh như thật nên hiểu biết thể tánh các pháp. Vì hiểu biết thể tánh các pháp nên hiểu biết thể tánh tất cả các chúng sinh. Vì hiểu biết thể tánh tất cả chúng sinh nên nói thể tánh Bồ-tát.

Này Thiên tử Bảo Thượng! Đây gọi là vì Bồ-tát bố thí thanh tịnh nên nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu có Bồ-tát hiểu biết thân thì hiểu biết giới, hiểu biết khẩu thì hiểu biết giới, hiểu biết ý thì hiểu biết giới, hiểu biết thân và khẩu thì hiểu biết quan niệm tịch tĩnh. Vì hiểu biết quan niệm tịch tĩnh nên hiểu biết chúng sinh tịch tĩnh. Vì hiểu biết chúng sinh tịch tĩnh nên hiểu biết tất cả pháp tịch tĩnh. Vì hiểu biết tất cả pháp tịch tĩnh nên hiểu biết như thật tế tịch tĩnh. Vì hiểu biết như thật tế tịch tĩnh nên được pháp tịch tĩnh, nhân tịch tĩnh, duyên tịch tĩnh. Tùy theo chỗ được nghe tất cả các pháp mà có thể tuyên thuyết tịch tĩnh.

Này Thiên tử! Đây gọi là vì Bồ-tát giới thanh tịnh nên như thật nói thọ ký vậy.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu có Bồ-tát biết pháp tánh rốt ráo là không, biết pháp tánh rốt ráo tự tại, đối với các chúng sinh có thể nhẫn nhịn những sự ác độc mà tâm chẳng sinh khởi quan niệm nhẫn nhịn, chẳng nghĩ sự ngoài, chẳng trái chúng sinh, hay diệt tất cả điều ác. Như tánh của các chúng sinh, thể tánh của nhẫn cũng vậy. Như thể tánh của nhẫn, tánh Bồ-đề cũng vậy. Như tánh Bồ-đề, thể tánh tất cả pháp cũng vậy. Như biết thể tánh tất cả pháp như thật, pháp chân như cũng vậy. Như chỗ nghe đồng tận pháp tánh, pháp tánh giới rốt ráo không. Pháp tánh rốt ráo không, nói đó là hành thuận nhẫn. Đây gọi là Bồ-tát chân thật tịnh nhẫn nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát biết thận trọng tất cả pháp hành rời lìa những tư duy, không có những trang nghiêm mà thành tựu hạnh xả tiến. Như có chỗ làm cũng không chỗ làm, chỗ biết vững chắc có thể rời lìa tất cả. Trong thì tánh tịch tĩnh, ngoài thì hóa độ chúng sinh. Vì biết tinh tấn tịch tĩnh nên Bồ-đề tịch tĩnh. Vì biết Bồ-đề tịch tĩnh nên biết tất cả các pháp tịch tĩnh. Vì biết các pháp tịch tĩnh nên biết như thật tế tịch tĩnh, như pháp đã được nghe. Vì tánh tinh tấn tịch tĩnh nên tất cả đều có thể tuyên thuyết. Đây gọi là Bồ-tát thanh tịnh tinh tấn như thật nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu Bồ-tát nhập thiền chư pháp bình đẳng không tăng giảm thì do sức thiền mà tâm an trụ. Vì tâm an trụ nên thức không chỗ trụ. Vì thức không chỗ trụ nên bảy giác tâm bình đẳng. Vì bảy giác tâm bình đẳng nên được thiền định bình đẳng. Vì được thiền định bình đẳng nên biết Bồ-đề bình đẳng. Vì biết Bồ-đề bình đẳng nên biết tất cả chúng

sinh bình đẳng. Vì biết tất cả chúng sinh bình đẳng nên biết các pháp bình đẳng. Nếu biết các pháp bình đẳng như vậy thì tùy chỗ pháp được nghe có thể tuyên thuyết các pháp thể tánh bình đẳng. Đây gọi là Bồ-tát thanh tịnh thiên định như thật nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu có Bồ-tát Tuệ nhãn thanh tịnh thì thấy biết như thật, với tất cả pháp, tùy thấy pháp nào đều không chỗ thấy, không có động lay, được trí không động, không hành, không nhân, không duyên, hành, cũng chẳng hành các pháp oai nghi, cũng chẳng phải chẳng hành. Chẳng hành nhân duyên biết các pháp bình đẳng chẳng cứu chẳng hành. Vì sao? Nếu chẳng hành là không phân biệt, dứt diệt các vọng tưởng hy vọng tham trước. Đó là Bồ-tát rời lìa các sở hữu. Bồ-tát cũng hành tất cả chỗ hành của chúng sinh, vì muốn giáo hóa họ, vì muốn chứa hợp tất cả pháp trợ Bồ-đề, vì nhiếp thủ chánh pháp, vì chẳng dứt mất giống Tam bảo. Chỗ sở hành của Như Lai, nơi thể tánh thanh tịnh của tất cả pháp không có phân biệt. Vì dùng thể tánh thanh tịnh Bát-nhã ấy nên biết Bồ-đề thể tánh thanh tịnh. Vì biết Bồ-đề thể tánh thanh tịnh nên biết chúng sinh thể tánh thanh tịnh. Vì biết chúng sinh thể tánh thanh tịnh nên biết thể tánh thanh tịnh của tất cả pháp. Vì biết thể tánh thanh tịnh của tất cả pháp nên ở nơi thể tánh của các pháp được như thật trí. Vì được như thật trí nên tùy sự được nghe là pháp giới tánh tuyên nói vô phân biệt. Đây gọi là Bồ-tát tuệ nhãn thanh tịnh như thật nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử Bảo Thượng! Bồ-tát quán thân, hành Thân niệm xứ, biết quá khứ thân không có biên tế, biết vị lai thân không có hướng đến, biết thân hiện tại như cỏ cây, ngói đá, tường vách. Nếu có thể quán thân, thân hành như vậy thì thể tánh si hành của thân tịch tĩnh, tư duy đồng hành cũng không phát khởi, chẳng tư duy chẳng khởi tự tại. Đây gọi là rời lìa ngã, thức không chỗ trụ, tu thân niệm xứ hành, cũng không có pháp tu hành được, cũng chẳng phải chẳng tu hành. Biết tất cả pháp không có thể tánh, chẳng phải chẳng có tánh. Quán thân như vậy mà tu thân hành.

Quán tâm như huyền hóa, biết tâm như tiếng vang, biết tâm như thật, thọ vui chẳng luyến, thọ khổ chẳng khổ, thọ chẳng vui khổ chẳng mất chánh niệm, chẳng chấp vô minh, rời lìa thọ, chẳng bị thọ kéo dắt. Đây gọi là như thật thấy biết Thọ niệm xứ.

Nếu có thể quán thọ như vậy, hành giả ở nơi thọ, tâm không sở hành, tâm chẳng an trụ. Tất cả tâm ấy cũng chẳng buông bỏ, tâm Bồ-đề cũng chẳng quên mất, cũng chẳng xa rời. Đây gọi là quán tâm, thực hành Tâm niệm xứ.

Khéo biết nơi pháp, thấy pháp, hành pháp, không niệm, không tư duy, nhập vào pháp tánh không có thân, thọ và tâm, chẳng phải quán pháp tướng phát khởi kiến hành nhập vào pháp tánh. Đây gọi là quán pháp, thực hành Pháp niệm xứ. Thể tánh của tất cả pháp hòa hợp, tụ hợp không có vật như hư không. Như sự được nghe, không tưởng niệm không tư duy tự nhiên thuyết Pháp niệm xứ. Đây gọi là biết rõ tịnh Pháp niệm xứ nói thọ ký.

Lại nữa, này Thiên tử Bảo Thượng, Bồ-tát ấy tâm Nhất thiết trí được tự tại, như chỗ giáo hối chánh an trụ chẳng bố thí, chẳng loạn động, chẳng thất niệm; nơi tất cả căn lành ban đầu phát khởi, tâm vô cầu hiện hành, tùy chỗ sở hành đều xả được tất cả, quả tâm phạm giới, chẳng nương tựa nơi giới, nhãn không tranh cãi thân, khẩu, ý đối với chúng sinh, chẳng có tâm sân hận, chẳng phát khởi tinh tấn theo Thanh văn và Duyên giác thừa, chẳng tưởng niệm tư duy tất cả pháp lành, chẳng nương vào các thiên định Thứ đệ, tâm không sở hành, chẳng thấy hành ác kiến chấp, chẳng hành các pháp. Nhập vào tất cả pháp như chư Thánh. Nơi các cảnh giới đều không sở hành. Dù gần chẳng phải Thánh mà thân, khẩu, ý nghiệp chưa bao giờ bị quả trách. Chẳng vì tin mà cầu pháp lành. Độc hành không có bạn. Muốn tự mình vượt qua thế gian, hành hạnh tinh tấn. Dứt hẳn tham dục, sân hận, ngu si, tâm không phiền não. Vì chẳng phá giới nên



cũng chẳng thân cận kẻ hành ác hạnh. Không có dua vạy, vì nội hạnh thanh tịnh. Không nói lời tán loạn, vì khẩu nghiệp thanh tịnh. Không mong cầu, vì biết đủ nơi của đã có. Chẳng phải là kẻ sai khiến, vì chẳng phải sống tà mạng. Là người không chứa nhóm, vì tùy chỗ có được đều tự biết đủ. Là người không hy vọng, vì rời lìa ham muốn ba cõi. Là người tri túc, vì rời lìa sự tìm cầu sai quấy. Là người tịch tĩnh, vì hiểu tất cả pháp đều tịch tĩnh. Là người hiện thân, vì bỏ hạnh thế gian. Là người không hý luận, vì dứt các hý luận. Là người chẳng sinh trở lại, vì dứt ái dục, sân và si. Là người tham tìm hiểu chánh pháp, vì điều phục kiêu mạn. Là người hiểu biết dễ, vì khéo điều tâm. Là người khéo thủ hộ, vì thủ hộ giới tự. Là người khéo giải thoát, vì tuệ tự thanh tịnh. Là người chẳng xả bỏ, vì hành Thánh chủng. Là người không thoái chuyển, vì phát tâm Bồ-đề trọn vẹn rốt ráo. Là người không có sở dụng, vì tất cả thế hạnh. Là người không tránh tụng, vì bình đẳng tất cả chúng sinh. Là người khéo tự thủ hộ, vì thủ hộ kẻ khác. Là người điều phục tự tâm, vì chẳng tìm lỗi người khác. Là người lìa các hy vọng, vì hộ giới thanh tịnh. Là người thuyết pháp rộng, vì không lẫn tiếc. Là người ưa thủ hộ, vì thủ hộ tâm tất cả chúng sinh. Là người mới phát tâm, vì hạp tất cả thiện pháp. Là người không có dị hạnh, vì được một vị đối với tất cả pháp. Là người chẳng lay động, vì dứt các lay động. Là người chẳng xem dòng họ, vì giáo hóa chúng sinh. Là người bình đẳng chúng sinh, vì nhiếp thủ tất cả chúng sinh. Là người ban đầu quán không, vì tất cả pháp. Là người điều phục các kiến chấp, vì khéo giáo hóa. Là người không có tướng và hành, vì điều phục các chúng sinh tướng và hành. Là người biết vô nguyện, vì sở nguyện đầy đủ khéo điều phục. Là người biết tất cả vì quán vô tác. Là người hành thiện, vì chẳng biết đủ. Là người không có vật mà quán vật, vì thị hiện chẳng phải vật mà là vật. Là người chẳng tư duy quan sát, vì ngã tịch tĩnh. Là người không tự ngã, vì quán hóa chúng sinh để được vô ngã. Là người không gì chẳng phải là đạo hạnh, vì hóa độ các chúng sinh rời lìa kết sử. Là người tâm phương tiện được rốt ráo, vì tu hành Bát-nhã. Là người định tánh không dòi, vì trọn chẳng chứng tất cả Thanh văn thừa và Duyên giác thừa. Là người rời lìa đạo và phi đạo, vì Đệ nhất nghĩa. Là người rời lìa hạnh và phi hạnh, vì tất cả phàm phu chúng chánh hạnh. Là người không trang nghiêm không chẳng trang nghiêm, vì không chẳng hy vọng các pháp. Là người chẳng tự khen, vì chẳng hý luận kẻ khác. Là người có trí không gì sánh bằng, vì đủ Phật pháp. Là người Vô sinh pháp nhẫn, vì tất cả pháp nhẫn không sinh không diệt. Đây gọi là Bồ-tát được tự tại.

Này Thiên tử Bảo Thượng! Bạc Bồ-tát tùy sinh ở chỗ nào chẳng phải là chẳng biết mà sinh, mà do nơi biết để sinh. Và do Bồ-tát ấy nhiếp thủ sinh tử tự tại nên cũng được thành tựu đầy đủ Phật pháp. Bồ-tát ấy chẳng phải lưu chuyển sinh tử. Do sức bản nguyện sinh ở chỗ nào đều được trí tự tại. Đây gọi là Bồ-tát được trí tự tại.

Bồ-tát chẳng phải do được ngăn mé mà gọi là trí tự tại. Nếu chẳng dứt tuyệt tất cả căn lành, đây gọi là Bồ-tát được trí tự tại. Bồ-tát chẳng phải vì được các căn lành mà gọi là trí tự tại. Không nhầm đủ đối với các căn lành, đây gọi là trí tự tại.

Bồ-tát chẳng phải vì chẳng sinh trong ba cõi mà được gọi là tự tại. Vì giáo hóa chúng sinh nên sinh trong ba cõi, đây gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải vì rời lìa kết sử tự thân mà được gọi là tự tại. Vì các chúng sinh dứt kết sử nên siêng tu tinh tấn, đây gọi là Bồ-tát được trí tự tại.

Bồ-tát chẳng vì thân mình mà được gọi là tự tại. Vì tịch tĩnh các khổ não của tất cả chúng sinh mà gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải vì xả bỏ mà tự tại. Vì nhiếp thủ giáo hóa chúng sinh mà gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải tự dứt tham, sân, si mà được gọi là tự tại. Vì dứt tham, sân, si, các kết sử của tất cả chúng sinh mà được gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải tự chúng Diệt đế mà được gọi là tự tại. Vì các chúng sinh mà chúng Diệt đế nên được gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải tự dứt phiền não mà được gọi là tự tại.

Bồ-tát vì tăng trưởng các căn lành nên chẳng dứt phiền não mà gọi là được tự tại.

Bồ-tát chẳng phải vì chúng ba pháp môn giải thoát nên gọi là được tự tại. Vì Bồ-tát hiểu rõ ba pháp môn giải thoát nên gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải tự tại tịch diệt năm ấm mà gọi là được tự tại. Vì xả bỏ gánh nặng cho tất cả chúng sinh nên gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải do diệt sáu căn mà gọi là được tự tại. Vì biết căn tánh thượng, hạ của các chúng sinh nên gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải do sinh phần tận diệt nên gọi là được tự tại. Bồ-tát vì do chẳng đoạn tuyệt sinh phần nên gọi là tự tại.

Bồ-tát chẳng phải được quả Thanh văn, Duyên giác giải thoát mà gọi là được tự tại.

Bồ-tát đạo tràng được quả giải thoát thọ dụng tất cả các chúng sinh nên gọi là tự tại.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi diễn thuyết phẩm Tự Tại như vậy, trong đại chúng ấy có ba vạn hai ngàn Thiên tử đều phát đạo tâm chánh chân vô thượng.

Đức Thế Tôn khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Khéo nói tất cả Bồ-tát thọ ký. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát nghe nói Bồ-tát thọ ký như vậy nhất hướng tin hiểu, chẳng kinh sợ thì chư Phật Như Lai vì họ mà thọ ký đạo Chân thật vô thượng.

Thiên tử Bảo Thượng nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nay Bồ-tát diễn thuyết về thọ ký.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Tôi nói thọ ký, tôi có pháp ấy. Có người nào hiểu rõ thì tôi nói thọ ký.

Này Thiên tử! Nay tôi chẳng được cho đến một pháp, cũng không hiểu rõ thì làm sao nói thọ ký.

Thiên tử Bảo Thượng nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hằng sa chư Phật Thế Tôn lẽ nào không giải hướng mà đắc quả ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn chẳng vì giải hướng đắc quả mà thuyết pháp.

Thiên tử nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn cũng chẳng phân biệt thể tánh mà thuyết pháp. Không sinh, không diệt, không nhân, không duyên, không đến, không đi, không có chúng sinh chẳng phải không chúng sinh, không ô nhiễm, không bạch tịnh, không sinh tử, không Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn thuyết pháp như vậy.

Thiên tử hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chư Phật Thế Tôn chẳng vì Niết-bàn mà thuyết pháp, có sao gọi là Phật xuất thế?

